TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 263/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30- 9 - 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Hùng

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà P K P; Sinh năm: 1964

Địa chỉ cư trú: số 3, đường LT Kt, khóm A, phường B, thành phố C M, tỉnh C M. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông NT T ; Sinh năm: 1964

Địa chỉ cư trú: Số 324, đường Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về hôn nhân:* Bà P K P và ông NT T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 01/01/1985 được Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016. Theo bà P quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa giải được đã ly thân khoản 07 năm nay tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông NT T.

- *Về con chung:* Bà P xác định có 03 người con là Nguyễn T T Nsinh ngày 09/11/1986; Nguyễn T Q sinh ngày 13/07/1994; Nguyễn T L sinh ngày 07/07/1997 hiện các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

- *Về tài sản chung*: Bà P xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông NT T Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ các Điều 28, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình;Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà P được ly hôn với ông T; Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông NT T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không rỗ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của bà P K P thấy rằng, bà P, ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/1985 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau nên hôn nhân này là hợp pháp được pháp luật công nhận. Hiện bà P xác định quá trình chung sống giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân nhau khoảng 07 năm nên không còn tình cảm với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã thật sự trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông T mặc dù biết bà P nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình, điều này chứng tỏ ông cũng không mong muốn được hàn gắn để vợ chồng về chung sống, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà P K P được ly hôn với ông NT T

[3] Về con chung: Bà P xác định có 03 người con là Nguyễn T T Nsinh ngày 09/11/1986; Nguyễn T Q sinh ngày 13/07/1994; Nguyễn T L sinh ngày 07/07/1997 hiện các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận nên Hôi đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà P xác định không có nên Hôi đồng xét xử không xem xét giải quyết;

[6] Về án phí: Bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà P K P về việc xin ly hôn với ông NT T.

2. Về con chung: Có 03 người con chung là Nguyễn T T Nsinh ngày 09/11/1986; Nguyễn T Q sinh ngày 13/07/1994; Nguyễn T L sinh ngày 07/07/1997 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận nên Hôi đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà P xác định không có nên Hôi đồng xét xử không xem xét giải quyết;

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà P K P phải chịu. Bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0008702 vào ngày 24/5/2024, được đối trừ, bà P đã nộp đủ.

Bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Trúc